

CÔNG KHAI
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024 VÀ DỰ KIẾN MỨC THU NĂM HỌC 2024-2025; NĂM HỌC 2025-2026

STT	Các khoản thu	Mức thu năm học 2023-2024	Dự kiến mức thu	
			Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Học phí chính khóa tạm thu HKI năm học 2023-2024 cho đến khi có hướng dẫn mới.			
	- Nhà trẻ	200.000đ/tháng	200.000đ/tháng	200.000đ/tháng
	- Mẫu giáo	160.000đ/tháng	160.000đ/tháng	160.000đ/tháng
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu			
	- Lớp năng khiếu Vẽ (theo nhu cầu PH đăng ký)	80.000đ/tháng/môn	80.000đ/tháng/môn	80.000đ/tháng/môn
	- Lớp năng khiếu nhịp điệu (theo nhu cầu PH đăng ký)	80.000đ/tháng/môn	80.000đ/tháng/môn	80.000đ/tháng/môn
3	Tiền Tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (theo nhu cầu PH đăng ký)	100.000đ/tháng	100.000đ/tháng	100.000đ/tháng
4	Tiền Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (theo nhu cầu PH đăng ký)	200.000đ/tháng	200.000đ/tháng	200.000đ/tháng
5	Tiền Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	330.000đ/tháng	330.000đ/tháng	330.000đ/tháng
6	Tiền Phục vụ ăn sáng	170.000đ/tháng	170.000đ/tháng	170.000đ/tháng
7	Tiền công trả lương nhân viên nuôi dưỡng	100.000đ/tháng	100.000đ/tháng	100.000đ/tháng
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	230.000đ/năm học	230.000đ/năm học	230.000đ/năm học
9	Tiền suất ăn trưa bán trú Tháng 9/2023 - tháng 10/2023	30.000đ/ngày		
10	Tiền suất ăn trưa bán trú Từ tháng 11/2023 đến tháng 5/2024	34.000đ/ngày	34.000đ/ngày	34.000đ/ngày

11	Tiền suất ăn sáng Tháng 9/2023 - tháng 10/2023	10.000đ/ngày		
12	Tiền suất ăn sáng Từ tháng 11/2023 đến tháng 5/2024	11.500đ/ngày	11.500đ/ngày	11.500đ/ngày
13	Tiền nước uống Từ tháng 11/2023 đến tháng 5/2024	20.000đ/ngày	20.000đ/ngày	20.000đ/ngày
14	Tiền học phẩm	50.000đ/năm học	50.000đ/năm học	50.000đ/năm học
15	Tiền học cụ - học liệu	200.000đ/năm học	200.000đ/năm học	200.000đ/năm học
16	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	25.000đ/năm học	25.000đ/năm học	25.000đ/năm học

Người lập biểu



Bùi Nguyễn Ngọc Hương

Quận 8, ngày 6 tháng 11 năm 2023



HỘI TRƯỞNG

Cao Thị Kim Oanh